

## BẢNG TỔNG HỢP SO SÁNH, THUYẾT MINH DỰ THẢO

(Kèm theo báo cáo số 166/BC-SNNMT ngày 26/5/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

STT	Nội dung dự thảo (lần 1)	Nội dung tiếp thu chỉnh sửa dự thảo (lần 2)	Thuyết minh
1	<p><b>- Đối với dự thảo:</b> <b>QUYẾT ĐỊNH</b> Ban hành quy định cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm lĩnh vực quản lý đất đai trên địa bàn tỉnh Hà Giang.</p> <p>Nội dung thể thức văn bản theo Mẫu số 19 Phụ lục I Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật</p>	<p><b>QUYẾT ĐỊNH</b> Ban hành quy định cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy trình kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm dịch vụ công trong lĩnh vực quản lý đất đai trên địa bàn tỉnh Hà Giang.</p> <p>Nội dung thể thức văn bản theo Mẫu số 20 mục 1 Phụ lục III Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.</p>	<p>Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ có hiệu lực từ 01/4/2025 thay thế Nghị định số 34/2016/NĐ-CP của Chính phủ.</p> <p>Do vậy chỉnh sửa cho phù hợp với quy định hiện hành</p>
2	<p><b>- Đối với dự thảo Quy định:</b> Chưa có: Quốc hiệu, Tiêu ngữ và tên cơ quan ban hành</p>	<p>Bổ sung: Quốc hiệu, Tiêu ngữ và tên cơ quan ban hành cho đầy đủ và phù hợp với mẫu số 20 mục I Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.</p>	<p>Bổ sung theo quy định Mẫu số 20 mục 1 Phụ lục III Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ</p>

STT	Nội dung dự thảo (lần 1)	Nội dung tiếp thu chỉnh sửa dự thảo (lần 2)	Thuyết minh
	<p><b>Điều 1: Phạm vi điều chỉnh</b></p> <p>Khoản 9 Điều 1: 9. Điều tra, phân hạng đất nông nghiệp;</p>	<p>Đã chỉnh sửa: 9. Điều tra, đánh giá đất đai theo chuyên đề.</p> <p>- Các nội dung khác không thay đổi</p>	<p>Đề phù hợp với Điều 52 Luật Đất đai năm 2024</p>
	<p><b>2: Đối tượng áp dụng</b></p> <p>a)</p> <p>b)</p> <p>c)</p>	<p><b>Bổ sung tên Điều và đánh lại số thứ tự tiêu mục</b></p> <p><b>Điều 2: Đối tượng áp dụng</b></p> <p>1.</p> <p>2.</p> <p>3.</p>	<p>Bổ sung theo quy định Mẫu số 20 mục 1 Phụ lục III Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ</p>
	<p><b>Điều 3: Giải thích từ ngữ</b></p> <p>- 6 khoản</p>	<p><b>Điều 3: Giải thích từ ngữ</b></p> <p>- 8 khoản</p> <p>Giải thích lại và bổ sung thêm:</p> <p>+ <i>Kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm dịch vụ công trong lĩnh vực quản lý đất đai ....</i></p> <p>+ <i>Đơn vị thi công là....</i></p>	<p>Giải thích lại và bổ sung thêm để giải thích rõ về việc Kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm dịch vụ công trong lĩnh vực quản lý đất đai và giải thích rõ tổ chức trong nước, nhà thầu nước ngoài được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động theo quy định và được chủ đầu tư giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc ký hợp đồng sau khi trúng thầu thực hiện nhiệm vụ.</p>
	<p><b>Điều 4. Nguyên tắc giám sát, kiểm tra, thẩm định và nghiệm</b></p>	<p><b>Điều 4. Nguyên tắc kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản</b></p>	

STT	Nội dung dự thảo (lần 1)	Nội dung tiếp thu chỉnh sửa dự thảo (lần 2)	Thuyết minh
	<b>thu công trình, sản phẩm</b> <b>- 4 khoản</b>	<b>phẩm dịch vụ công trong lĩnh vực quản lý đất đai</b> <b>- 3 khoản</b>	Rút gọn và quy định rõ từng bước công việc, để đảm bảo chất lượng sản phẩm khi đưa vào sử dụng
	<b>Điều 5. Mục đích giám sát, kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm</b>	<b>Bỏ 2 Điều này</b>	Đã quy định trong các thông tư chuyên ngành
	<b>Điều 6. Cơ sở pháp lý để giám sát, kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm</b>		
	<b>Điều 7. Trách nhiệm giám sát, kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm</b> <b>- khoản 1:</b> Trách nhiệm của chủ đầu tư. a) b) c) d)	<b>Điều 5: Trách nhiệm giám sát, kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm</b> <b>- khoản 1:</b> Trách nhiệm của chủ đầu tư. a) b) c) d) đ)	

STT	Nội dung dự thảo (lần 1)	Nội dung tiếp thu chỉnh sửa dự thảo (lần 2)	Thuyết minh
	<p>- <b>khoản 2:</b> Trách nhiệm của đơn vị thi công, bao gồm 5 tiêu mục</p>	<p>e) <b>Bổ sung thêm hai điểm đó là:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đảm bảo chất lượng, khối lượng sản phẩm hoàn thành; tiến độ thực hiện đối với các nhiệm vụ dịch vụ công được giao;</li> <li>- Báo cáo kịp thời với cơ quan quyết định đầu tư những vấn đề phát sinh vượt quá thẩm quyền giải quyết của mình.</li> </ul> <p>- <b>khoản 2:</b> Trách nhiệm của đơn vị thi công, bao gồm 5 tiêu mục (sắp xếp lại một số tiêu mục và câu từ theo thứ tự công việc)</p>	<p>Việc bổ sung thêm 02 điểm để quy định rõ trách nhiệm của chủ đầu tư được giao thực hiện nhiệm vụ đó là phải Đảm bảo chất lượng, khối lượng sản phẩm hoàn thành; tiến độ thực hiện đối với các nhiệm vụ dịch vụ công được giao và phải Báo cáo kịp thời với cơ quan quyết định đầu tư những vấn đề phát sinh vượt quá thẩm quyền giải quyết của mình trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, dự án, đề án....</p> <p>- sắp xếp lại một số tiêu mục và câu từ theo thứ tự công việc nhằm kết cấu lại cho phù hợp với thực tiễn, khoa học nâng cao trách nhiệm thực hiện của đơn vị thi công</p>
	<p><b>Điều 8. Lập kế hoạch giám sát, kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm</b></p> <p>- 2 khoản</p>	<p><b>Điều 6. Lập kế hoạch kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu chất lượng sản phẩm dịch vụ công trong lĩnh vực quản lý đất đai</b></p> <p>- 2 khoản</p> <p>+ khoản 1: Bổ sung thêm nội dung ghi rõ vào biểu mẫu</p> <p>+ khoản 2: Bổ sung thêm nội dung</p>	<p>Việc bổ sung thêm nội dung để đảm bảo việc tuân thủ đúng quy định và minh bạch trong thực hiện các thủ tục khi thực hiện</p>

STT	Nội dung dự thảo (lần 1)	Nội dung tiếp thu chỉnh sửa dự thảo (lần 2)	Thuyết minh
		quy định nơi gửi kế hoạch	
	<p><b>Điều 9. Kinh phí thực hiện công tác giám sát, kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm</b></p> <p>- Quy định 3 khoản</p>	<p><b>Điều 7. Kinh phí thực hiện công tác kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu chất lượng sản phẩm dịch vụ công trong lĩnh vực quản lý đất đai</b></p> <p>- 2 khoản</p>	<p>Gộp khoản 1, 2 vào một khoản: Mục đích để quy định rõ</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Kinh phí cho hoạt động kiểm tra chất lượng sản phẩm dịch vụ công do đơn vị thi công</li> <li>2. Kinh phí cho hoạt động kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu khối lượng, chất lượng sản phẩm dịch vụ công do chủ đầu tư</li> </ol>
	<p><b>Chương 2</b> <b>GIÁM SÁT, KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG, KHỐI LƯỢNG CÔNG TRÌNH, SẢN PHẨM TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI</b></p>	<p><b>Chương II</b> <b>KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM DỊCH VỤ CÔNG TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI</b></p>	<p>- số 2 đã sửa thành (II) theo quy định Mẫu số 20 mục 1 Phụ lục III Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ</p> <p>- Sắp xếp lại câu từ cho phù hợp với quyết định</p>
	Chưa dự thảo	<p><b>Bổ sung thêm nội dung</b></p> <p><b>Điều 8. Yêu cầu đối với công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai</b></p>	Việc bổ sung các nội dung tại Điều 8 nhằm quy định thứ tự và trình tự thực hiện để sản phẩm dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai được đảm bảo chất lượng trước khi đưa vào sử dụng và minh bạch trong quá trình tổ chức thực hiện

STT	Nội dung dự thảo (lần 1)	Nội dung tiếp thu chỉnh sửa dự thảo (lần 2)	Thuyết minh
		<p>1. Công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm dịch vụ công phải được thực hiện từ tổng thể đến chi tiết ở cấp đơn vị thi công và cấp chủ đầu tư.</p> <p>2. Việc kiểm tra chất lượng sản phẩm dịch vụ công phải được thực hiện trên cơ sở kế hoạch kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu khối lượng, chất lượng sản phẩm được quy định tại khoản 2 Điều 6 của Quyết định này. Quá trình kiểm tra phải tuân thủ theo quy trình sản xuất, sản phẩm của công đoạn trước đạt chất lượng mới được sử dụng cho công đoạn tiếp theo.</p> <p>3. Công tác giám sát trong quá trình triển khai các đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán dịch vụ công phải được thực hiện kể từ khi bắt đầu triển khai cho đến khi nghiệm thu, bàn giao sản phẩm để đưa vào khai thác sử dụng đảm bảo chất lượng, hiệu quả.</p> <p>4. Nội dung, phương pháp kiểm tra chất lượng sản phẩm dịch vụ công phải tuân thủ theo quy định tại Điều</p>	<p>tổ chức thi công và kiểm soát.</p>

STT	Nội dung dự thảo (lần 1)	Nội dung tiếp thu chỉnh sửa dự thảo (lần 2)	Thuyết minh
		10 của Quyết định này.	
	<p><b>Điều 10. Giám sát công trình, sản phẩm</b></p> <p><b>1. Nội dung giám sát</b></p> <p>a) b) c) d) đ)</p> <p><b>2. Không thay đổi</b></p> <p><b>3. Chưa dự thảo</b></p>	<p><b>Điều 9. Công tác giám sát</b></p> <p><b>1. Nội dung giám sát</b></p> <p>a) b) c) d) đ) e)</p> <p>- <b>Bổ sung thêm nội dung:</b> Kiểm tra phương tiện đo được sử dụng trong thi công. Phương tiện đo phải được kiểm định, hiệu chuẩn đầy đủ, đúng thời gian theo quy định, đáp ứng độ chính xác theo yêu cầu.</p> <p><b>2. Không thay đổi</b></p> <p><b>3. Bổ sung:</b> Trong thời gian thi công, nếu có sự thay đổi về chế độ chính sách như: tiền lương, định mức kinh tế - kỹ thuật, đơn giá sản phẩm, đơn vị giám sát phải xác định cụ thể khối lượng các hạng mục công việc đã thực</p>	<p>Tại dự thảo lần 1 chỉ quy định việc giám sát đầy đủ phương tiện kỹ thuật để thi công, chưa quy định phương tiện kỹ thuật có được hiệu chỉnh đầy đủ đúng thời gian hay không.</p> <p>- Việc bổ sung dự thảo lần 2: Kiểm tra phương tiện kỹ thuật trong quá trình sử dụng nhằm hạn chế những sai sót do lỗi của phương tiện kỹ thuật gây ra ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai</p> <p>Việc bổ sung khoản 3 dự thảo lần 2 để xác định trách nhiệm của đơn vị giám sát phải xác định cụ thể khối lượng các hạng mục công việc đã thực hiện trước và sau thời điểm chế độ chính sách đó có hiệu lực. Mục đích để chủ đầu tư chi trả kinh phí tương ứng cho đơn</p>

STT	Nội dung dự thảo (lần 1)	Nội dung tiếp thu chỉnh sửa dự thảo (lần 2)	Thuyết minh
		hiện trước và sau thời điểm chế độ chính sách đó có hiệu lực	vị thi công đã chi phí thực hiện khối lượng tại thời điểm chế độ chính sách có hiệu lực như: tiền lương, định mức kinh tế - kỹ thuật, đơn giá sản phẩm quy định để làm ra được 1 đơn vị sản phẩm.
	<p><b>Điều 11. Nội dung, phương pháp, mức kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm</b></p> <p><b>1. Nội dung, mức kiểm tra của đơn vị thi công</b></p> <p><b>2. Phương pháp kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm</b></p> <p>a) b) c) d) đ) e)</p>	<p><b>Điều 10. Nội dung và phương pháp kiểm tra chất lượng sản phẩm</b></p> <p><b>1. Nội dung, mức kiểm tra đối với sản phẩm dịch vụ công (bổ nội dung: Đối với các nội dung, hạng mục công trình, sản phẩm trong lĩnh vực quản lý đất đai không được quy định tại Bảng 01....)</b></p> <p><b>2. Phương pháp kiểm tra chất lượng, sản phẩm</b></p> <p>a) b) c) d) đ)</p> <p><b>Bổ nội dung:</b> Quan sát trực quan, sử dụng phần mềm và các tài liệu khác</p>	<p>Đề phù hợp với <b>Điều 1 của Quy định</b></p> <p>- <b>Bổ nội dung:</b> Quan sát trực quan, sử dụng phần mềm và các tài liệu khác để kiểm tra trực tiếp trên các sản phẩm giao nộp. Việc thực hiện phương pháp trên sẽ ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm không được bảo đảm.</p> <p>- Sắp xếp lại một số nội dung để bảo đảm phương pháp kiểm tra được chặt chẽ đầy đủ,</p>

STT	Nội dung dự thảo (lần 1)	Nội dung tiếp thu chỉnh sửa dự thảo (lần 2)	Thuyết minh
	<b>3. Kết thúc quá trình kiểm tra phải tiến hành ghi nhận kết quả kiểm tra.</b>	để kiểm tra trực tiếp trên các sản phẩm giao nộp. <b>3. Ghi nhận kết quả kiểm tra</b>	khách quan, đảm bảo độ tin cậy về chất lượng sản phẩm khi đưa vào sử dụng.
	<b>Điều 12. Kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm cấp đơn vị thi công</b>	<b>Điều 11. Kiểm tra chất lượng sản phẩm cấp đơn vị thi công</b>  Sắp xếp lại các nội dung theo thứ tự thực hiện	Việc sắp xếp lại các nội dung theo thứ tự thực hiện nhằm mục đích việc triển khai thực hiện công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm được đầy đủ chặt chẽ, minh bạch, khách quan, đúng quy trình không trùng lặp, không bỏ sót để đảm bảo chất lượng sản phẩm khi đưa vào sử dụng và xác định trách nhiệm của các bên
	<b>Điều 13. Kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm cấp chủ đầu tư</b> 1. Sau khi nhận được hồ sơ kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm cấp đơn vị thi công hợp lệ, chủ đầu tư hoặc đơn vị giám sát, kiểm tra tổ chức thực hiện kiểm tra theo các nội dung sau... 2. Hồ sơ kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm cấp	<b>Điều 12. Kiểm tra chất lượng sản phẩm cấp chủ đầu tư</b>  1. Sau khi nhận được công văn đề nghị kiểm tra, Hồ sơ kiểm tra chất lượng của đơn vị thi công theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 11 của Quyết định này và sản phẩm kèm theo, chủ đầu tư sử dụng tổ chức chuyên môn kỹ thuật của mình hoặc thuê tổ chức có năng lực kiểm tra để thực hiện công tác kiểm tra chất lượng	Việc chia khoản 1 của dự thảo lần 1 thành hai khoản của dự thảo lần 2 và bổ sung nội dung quy định nộp số lượng hồ sơ giao nộp nhằm mục đích việc triển khai thực hiện công tác

STT	Nội dung dự thảo (lần 1)	Nội dung tiếp thu chỉnh sửa dự thảo (lần 2)	Thuyết minh
	<p>chủ đầu tư bao gồm:</p>	<p>sản phẩm cấp chủ đầu tư.</p> <p>2. Các bước kiểm tra bao gồm..</p> <p>3. Kết thúc nhiệm vụ hoặc kết thúc năm tài chính đơn vị kiểm tra phải lập Hồ sơ kiểm tra chất lượng thành 02 (hai) bộ, 01 (một) bộ gửi chủ đầu tư phục vụ công tác thẩm định theo quy định tại Điều 15 của Quyết định này, 01 (một) bộ lưu tại đơn vị kiểm tra</p>	<p>kiểm tra chất lượng sản phẩm được đầy đủ chặt chẽ, minh bạch, khách quan, đúng quy trình không trùng lặp, không bỏ sót để đảm bảo chất lượng sản phẩm khi đưa vào sử dụng và xác định trách nhiệm của các bên</p>
	<p><b>Điều 14. Quyền và trách nhiệm của đơn vị giám sát, kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm cấp chủ đầu tư</b></p> <p>1. Quyền của đơn vị giám sát, kiểm tra</p> <p>a)</p> <p>b)</p> <p>c)</p> <p>d)</p> <p>đ)</p> <p>2. Trách nhiệm của đơn vị giám sát, kiểm tra</p> <p>a)</p> <p>b)</p>	<p><b>Điều 13. Quyền và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân thực hiện kiểm tra cấp chủ đầu tư</b></p> <p>1. Quyền của tổ chức, cá nhân thực hiện kiểm tra</p> <p>a)</p> <p>b)</p> <p>c)</p> <p>d)</p> <p>đ)</p> <p>2. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân thực hiện kiểm tra</p> <p>a)</p>	<p>- Dự thảo lần 2 bổ sung Quy định rõ hơn quyền của cá nhân thực hiện kiểm tra nhằm mục đích bảo vệ quyền lợi của cá nhân, công bằng hơn về chịu trách nhiệm trước pháp luật</p>

STT	Nội dung dự thảo (lần 1)	Nội dung tiếp thu chỉnh sửa dự thảo (lần 2)	Thuyết minh
	<p>c) d) đ)</p>	<p>b) c) d) đ) e) g) h) - <b>Bổ sung: ( 03) ba khoản</b> +Kiến nghị với chủ đầu tư xử lý các vi phạm, chấm dứt hợp đồng với đơn vị thi công trong trường hợp đơn vị thi công vi phạm các nội dung nêu tại điểm đ khoản 1 Điều 5 của Quyết định này; +Kiến nghị với chủ đầu tư hình thức xử lý đối với đơn vị thi công vi phạm tiến độ thực hiện do yếu tố chủ quan của đơn vị thi công; +Lập Hồ sơ kiểm tra chất lượng, Hồ sơ nghiệm thu theo yêu cầu của chủ đầu tư.</p>	<p>Việc bổ sung 03 (ba) khoản của dự thảo lần 2 nhằm mục đích xác định trách nhiệm cụ thể của tổ chức, cá nhân thực hiện kiểm tra, để tổ chức cá nhân thực hiện kiểm tra, giám sát để nâng cao vai trò trong việc kiểm tra giám sát đôn đốc đơn vị thi công để sản phẩm của nhiệm vụ, đề án, chương trình, thiết kế kỹ thuật được hoàn thành đúng tiến độ, đúng khối lượng, chất lượng được phê duyệt</p>
	<p><b>Chưa dự thảo</b></p>	<p><b>Điều 14. Kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm dịch vụ công</b></p>	<p>Việc bổ sung <b>Điều 14. Kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm dịch vụ công</b> nhằm mục đích kiểm soát việc tuân thủ các</p>

STT	Nội dung dự thảo (lần 1)	Nội dung tiếp thu chỉnh sửa dự thảo (lần 2)	Thuyết minh
			quy định của pháp luật đối với chủ đầu tư
	<p style="text-align: center;"><b>Chương 3</b></p> <p style="text-align: center;"><b>THẨM ĐỊNH, NGHIỆM THU CHẤT LƯỢNG, KHỐI LƯỢNG CÔNG TRÌNH, SẢN PHẨM TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>Chương III</b></p> <p style="text-align: center;"><b>THẨM ĐỊNH, NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM DỊCH VỤ CÔNG TRONG LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI</b></p>	<p>- số 3 đã sửa thành (III) theo theo quy định Mẫu số 20 mục 1 Phụ lục III Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ</p> <p>- Sắp xếp lại câu từ cho phù hợp với quyết định</p>
	<p><b>Điều 15. Thẩm định chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm</b></p> <p>- Chưa dự thảo</p> <p>- Chưa dự thảo</p> <p>- Chưa dự thảo</p>	<p><b>Điều 15. Thẩm định khối lượng, chất lượng sản phẩm dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai</b></p> <p>1. Chủ đầu tư sử dụng tổ chức chuyên môn trực thuộc hoặc thành lập hội đồng thực hiện thẩm định khối lượng, chất lượng sản phẩm dịch vụ công.</p> <p>2. Trường hợp thành lập Hội đồng thẩm định, chủ đầu tư ra quyết định thành lập, thành phần hội đồng bao gồm: Chủ tịch Hội đồng, Thư ký và một số thành viên thuộc các đơn vị chức năng có liên quan, chuyên gia am hiểu về chuyên môn có liên quan đến sản phẩm dịch vụ công (nếu cần).</p> <p>3. Nguyên tắc hoạt động của Hội</p>	<p>Một số nội dung được bổ sung tại dự thảo lần 2 để quy định Chủ đầu tư được sử dụng tổ chức chuyên môn trực thuộc hoặc thành lập hội đồng thực hiện thẩm định khối lượng, chất lượng sản phẩm dịch vụ công; thành viên của Hội đồng thẩm định và Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng thẩm định để phù hợp với công tác quản lý nhà nước về đất đai.</p>

STT	Nội dung dự thảo (lần 1)	Nội dung tiếp thu chỉnh sửa dự thảo (lần 2)	Thuyết minh
	<p><b>1. Căn cứ thẩm định</b></p> <p><b>2. Nội dung và thời gian thẩm định</b></p> <p>a)</p> <p>b)</p> <p>c)</p> <p>d)</p> <p>đ)</p> <p>e)</p>	<p><b>đồng thẩm định</b></p> <p><b>4. Căn cứ thẩm định</b></p> <p><b>5. Nội dung thẩm định</b></p> <p>a)</p> <p>b)</p> <p>c)</p> <p>d)</p> <p><b>đ) bổ sung nội dung thẩm định:</b> Thẩm định nguồn gốc thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ sử dụng để thi công.</p> <p>- Tách điểm đ, e thành 2 khoản: 6, 7</p> <p><b>6. Căn cứ kết quả thẩm định, đơn vị được chủ đầu tư giao nhiệm vụ thẩm định hoặc chủ đầu tư (trong trường hợp thành lập Hội đồng thẩm định) chỉ đạo các đơn vị liên quan sửa chữa, bổ sung hoàn thiện khi chất lượng, khối lượng sản phẩm chưa đạt yêu cầu, mức khó khăn chưa phù hợp, hồ sơ tài liệu chưa hợp lệ.</b></p> <p><b>7. Kết thúc quá trình thẩm định, đơn</b></p>	<p>Việc bổ sung nội dung thẩm định để đảm bảo việc thẩm định được đầy đủ toàn diện.</p> <p>Việc chuyển điểm đ, e thành khoản 6, 7 để quy định rõ hơn nhiệm vụ trong việc thực hiện thẩm định của đơn vị được chủ đầu tư giao nhiệm vụ thẩm định hoặc chủ đầu tư (trong trường hợp thành lập Hội đồng thẩm định)</p>

STT	Nội dung dự thảo (lần 1)	Nội dung tiếp thu chỉnh sửa dự thảo (lần 2)	Thuyết minh
		<p>vi được chủ đầu tư giao nhiệm vụ thẩm định hoặc chủ đầu tư (trong trường hợp thành lập Hội đồng thẩm định) phải lập Báo cáo thẩm định khối lượng, chất lượng sản phẩm theo Mẫu số 12 Phụ lục 2 ban hành kèm theo Quyết định này.</p>	
	<p><b>Điều 16. Nghiệm thu công trình, sản phẩm</b></p> <p><b>1. Căn cứ nghiệm thu</b></p> <p>a)</p> <p>b)</p> <p>c)</p> <p>d)</p> <p><b>2. Nội dung và thời gian nghiệm thu:</b></p>	<p><b>Điều 16. Nghiệm thu khối lượng, chất lượng sản phẩm dịch vụ công trong lĩnh vực quản lý đất đai</b></p> <p><b>1.</b> Trên cơ sở kết quả kiểm tra, thẩm định, chủ đầu tư tiến hành nghiệm thu khối lượng, chất lượng sản phẩm dịch vụ công đã hoàn thành.</p> <p><b>2. Căn cứ nghiệm thu</b></p> <p>a)</p> <p>b)</p> <p>c)</p> <p>d)</p> <p>d)</p> <p><b>3. Nội dung và thời gian nghiệm</b></p>	<p>Trong nội dung nay không thay đổi chỉ phân định rõ căn cứ:</p> <p>a) Quyết định phê duyệt đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán;</p> <p>b) Quyết định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc Hợp đồng kinh tế;</p>

STT	Nội dung dự thảo (lần 1)	Nội dung tiếp thu chỉnh sửa dự thảo (lần 2)	Thuyết minh
	<p>a) b) c)</p> <p><b>3. Hồ sơ nghiệm thu bao gồm: 4. Hồ sơ nghiệm thu lập thành 05 bộ:</b></p>	<p>a) b) c) d)</p> <p><b>Hai nội dung này được chuyển sang quy định tại Điều 18</b></p>	<p>Trong nội dung này không thay đổi chỉ phân định rõ các nội dung nghiệm thu:</p> <p>a) Nghiệm thu về khối lượng, các hạng mục công việc, sản phẩm đã hoàn thành đạt chất lượng so với đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán đã được phê duyệt;</p> <p>b) Nghiệm thu về khối lượng các hạng mục công việc, sản phẩm phát sinh (tăng, giảm) so với đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán (nếu có);</p> <p>c) Xác nhận mức khó khăn đối với các hạng mục công việc, sản phẩm hoàn thành;</p> <p><b>- Việc chuyển (02) hai nội dung này được sang quy định tại Điều 18 lập hồ sơ nghiệm thu được lập sau khi đã bàn giao sản phẩm</b></p>
	<p><b>Điều 18. Giao nộp sản phẩm và hồ sơ quyết toán công trình, sản phẩm</b></p> <p>1. Danh mục sản phẩm giao nộp bao gồm toàn bộ sản phẩm của các hạng mục công trình đã được nghiệm thu xác nhận chất lượng, khối lượng và được nêu cụ thể</p>	<p><b>Điều 17. Giao nộp sản phẩm</b></p> <p>1. Sau khi có Biên bản nghiệm thu khối lượng, chất lượng sản phẩm, đơn vị thi công có trách nhiệm giao nộp sản phẩm tại nơi lưu trữ do cơ quan quyết định đầu tư hoặc chủ đầu tư chỉ</p>	

STT	Nội dung dự thảo (lần 1)	Nội dung tiếp thu chỉnh sửa dự thảo (lần 2)	Thuyết minh
	<p>trong chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, nhiệm vụ, hợp đồng kinh tế hoặc văn bản giao nhiệm vụ thi công.</p> <p>2. Sau khi có biên bản nghiệm thu chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm, đơn vị thi công trực tiếp thực hiện việc giao nộp sản phẩm tại nơi lưu trữ do cơ quan quyết định đầu tư hoặc chủ đầu tư quy định.</p> <p>3. Sau khi có bản xác nhận chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm đã hoàn thành, chủ đầu tư có trách nhiệm lập hồ sơ quyết toán công trình sản phẩm theo quy định hiện hành.</p>	<p>định.</p> <p>2. Danh mục sản phẩm giao nộp bao gồm toàn bộ sản phẩm của các hạng mục công việc đã được nghiệm thu xác nhận khối lượng, chất lượng. Các sản phẩm giao nộp được quy định cụ thể trong đề án, dự án, nhiệm vụ, thiết kế kỹ thuật - dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.</p>	
	<p><b>Nội dung này được quy định tại khoản 3, 4 Điều 16</b></p>	<p><b>Điều 18. Lập Hồ sơ nghiệm thu</b></p> <p>1. Kết thúc quá trình nghiệm thu, giao nộp sản phẩm, chủ đầu tư phối hợp với các đơn vị liên quan lập Hồ sơ nghiệm thu .....</p> <p>a)</p>	<p>- Việc chuyển (02) hai nội dung này được sang quy định tại Điều 18 lập hồ sơ nghiệm thu được lập sau khi đã bàn giao sản phẩm, để quy định được chặt chẽ đúng quy định hiện hành</p>

STT	Nội dung dự thảo (lần 1)	Nội dung tiếp thu chỉnh sửa dự thảo (lần 2)	Thuyết minh
		b) c) d) đ) e) g) h) i) k)  2. Hồ sơ nghiệm thu lập thành 05 (năm) bộ kèm theo bản số: 01 (một) bộ gửi cơ quan quyết định đầu tư, 03 (ba) bộ lưu tại chủ đầu tư, 01 (một) bộ lưu tại đơn vị thi công. Hồ sơ nghiệm thu lưu trong thời gian 20 năm kể từ ngày kết thúc toàn bộ hạng mục công việc.	
	<b>Điều 19. Quy định chuyển tiếp</b>	<b>Điều 19. Quy định chuyển tiếp</b>	Không thay đổi
	<b>Bảng 1</b>	<b>Phụ lục I</b> Thay bảng 1 thành Phụ lục I vì văn bản có 02 Phụ lục	Theo quy định tại khoản 3 Điều 71 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ
	<b>Từ I đến XII.1.10</b>	<b>Từ I đến XII.1.10</b>	Không thay đổi

STT	Nội dung dự thảo (lần 1)	Nội dung tiếp thu chỉnh sửa dự thảo (lần 2)	Thuyết minh
	Từ XII.2 đến XII.3.2	Bổ sung thêm cấp xã	Thực hiện Kết luận số 127-KL/TW của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị. Đề chuẩn bị thực hiện theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp
	<b>XV. Điều tra thoái hóa đất cấp tỉnh kỳ đầu</b>	<b>XV. Điều tra, đánh giá thoái hóa đất</b>	Việc chỉnh sửa lại tên để phù hợp với Điều 52 Luật Đất đai năm 2024
	<b>XVI. Điều tra thoái hóa đất cấp tỉnh kỳ bổ sung</b>	Không đưa vào dự thảo	Việc điều chỉnh lại dự thảo để phù hợp với Điều 52 Luật Đất đai năm 2024
	<b>XVII. Điều tra, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai, cấp tỉnh lần đầu</b>	<b>XVI. Điều tra, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai</b>	Việc chỉnh sửa lại tên để phù hợp với Điều 52 Luật Đất đai năm 2024
	<b>XVIII. Điều tra, đánh giá chất lượng đất và tiềm năng đất đai, cấp tỉnh lần tiếp theo</b>	Không đưa vào dự thảo	Việc điều chỉnh lại dự thảo để phù hợp với Điều 52 Luật Đất đai năm 2024
	<b>XIX. Điều tra, đánh giá ô nhiễm đất cấp tỉnh lần đầu</b>	<b>XVII. Điều tra, đánh giá ô nhiễm đất</b>	Việc chỉnh sửa lại tên để phù hợp với Điều 52 Luật Đất đai năm 2024
	<b>XX. Điều tra, đánh giá ô nhiễm đất cấp tỉnh lần tiếp theo</b>	Không đưa vào dự thảo	Việc điều chỉnh lại dự thảo để phù hợp với Điều 52 Luật Đất đai năm 2024
	<b>XXI. Điều tra phân hạng đất nông nghiệp cấp tỉnh lần đầu</b>	<b>XVIII. Điều tra, đánh giá đất đai theo chuyên đề</b>	Việc điều chỉnh lại dự thảo để phù hợp với Điều 52 Luật Đất đai năm 2024

STT	Nội dung dự thảo (lần 1)	Nội dung tiếp thu chỉnh sửa dự thảo (lần 2)	Thuyết minh
	<b>XXII. Điều tra phân hạng đất nông nghiệp cấp tỉnh lần tiếp theo</b>	<b>Không đưa vào dự thảo</b>	Việc điều chỉnh lại dự thảo để phù hợp với Điều 52 Luật Đất đai năm 2024
	<b>XXIII. Cơ sở dữ liệu địa chính do địa phương tổ chức xây dựng</b>	<b>XIX. Cơ sở dữ liệu địa chính</b>	Không thay đổi
	<b>Các biểu mẫu</b>	<b>Phụ lục II Các biểu mẫu</b>	Theo quy định tại khoản 3 Điều 71 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ
	Mẫu số 01: Nhật ký giám sát công trình	Mẫu số 1: Nhật ký giám sát thi công;	Không thay đổi
	<b>Chưa dự thảo</b>	Mẫu số 2: Biên bản giám sát thi công;	Để các nội dung làm việc được minh bạch và xác định trách nhiệm của đơn vị giám sát với chủ đầu tư trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao, ký hợp đồng
	<b>Chưa dự thảo</b>	Mẫu số 3: Báo cáo kiểm tra chất lượng sản phẩm (phần giám sát thi công)	Bổ sung để xác định trách nhiệm của đơn vị giám sát trong quá trình thực hiện để sản phẩm đảm bảo chất lượng khi đưa vào sử dụng
	Mẫu số 2: Phiếu ghi ý kiến kiểm tra	Mẫu số 4: Phiếu ghi ý kiến kiểm tra	Không thay đổi
	Mẫu số 3: Biên bản kiểm tra chất	Mẫu số 5: Biên bản kiểm tra chất	Không thay đổi

STT	Nội dung dự thảo (lần 1)	Nội dung tiếp thu chỉnh sửa dự thảo (lần 2)	Thuyết minh
	lượng sản phẩm	lượng sản phẩm cấp đơn vị thi công	
	Mẫu số 4: Báo cáo tổng kết kỹ thuật (của đơn vị thi công)	Mẫu số 6: Báo cáo tổng kết kỹ thuật (của đơn vị thi công)	Không thay đổi
	Mẫu số 5: Báo cáo kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm (của đơn vị thi công)	Mẫu số 7: Báo cáo kiểm tra chất lượng sản phẩm (của đơn vị thi công)	Không thay đổi
	Mẫu số 6: Biên bản kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm	Không đưa vào dự thảo	Để đảm bảo tính độc lập, khách quan trong quá trình thực hiện kiểm tra chất lượng, khối lượng, sản phẩm dịch vụ công
	Mẫu số 7: Báo cáo giám sát, kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm (của đơn vị giám sát, kiểm tra)	Mẫu số 8: Báo cáo kiểm tra chất lượng sản phẩm (phần đánh giá chất lượng sản phẩm)	Áp dụng trường hợp chủ đầu tư giao hai đơn vị kiểm tra và giám sát
		Mẫu số 9: Báo cáo kiểm tra chất lượng sản phẩm	Áp dụng trường hợp chủ đầu tư giao một đơn vị kiểm tra và giám sát
	<b>Chưa quy định</b>	Mẫu số 10: Báo cáo sửa chữa sản phẩm (của đơn vị thi công)	Để thống nhất mẫu văn bản cho các đơn vị khi thực hiện nhiệm vụ được giao, ký hợp đồng
	<b>Chưa quy định</b>	Mẫu số 11: Bản xác nhận sửa chữa sản phẩm (của Đơn vị kiểm tra)	Để thống nhất mẫu văn bản cho các đơn vị khi thực hiện nhiệm vụ được giao, ký hợp đồng
	Mẫu số 8: Báo cáo thẩm định chất	Mẫu số 12: Báo cáo thẩm định khối	Không thay đổi

STT	Nội dung dự thảo (lần 1)	Nội dung tiếp thu chỉnh sửa dự thảo (lần 2)	Thuyết minh
	lượng, khối lượng công trình, sản phẩm	lượng, chất lượng sản phẩm	
	Mẫu số 9: Biên bản nghiệm thu chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm	Mẫu số 13: Biên bản nghiệm thu khối lượng, chất lượng sản phẩm	Đã bỏ thành phần đơn vị kiểm tra vì đã đơn vị kiểm tra đã thực hiện trách nhiệm tại Mẫu số 8, 9, 11
	Mẫu số 10: Bản tổng hợp khối lượng công trình, sản phẩm	Mẫu số 14: Bản tổng hợp khối lượng hạng mục công việc, sản phẩm	Không thay đổi
	<b>Chưa dự thảo</b>	Mẫu số 15: Biên bản giao nộp sản phẩm	Để thống nhất mẫu văn bản cho các đơn vị khi thực hiện nhiệm vụ được giao, ký hợp đồng
	<b>Chưa dự thảo</b>	Mẫu số 16: Công văn đề nghị kiểm tra chất lượng sản phẩm	Để thống nhất mẫu văn bản cho các đơn vị khi thực hiện nhiệm vụ được giao, ký hợp đồng
	<b>Chưa dự thảo</b>	Mẫu số 17: Công văn lập kế hoạch triển khai, quản lý chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ	Để thống nhất mẫu văn bản cho các đơn vị khi thực hiện nhiệm vụ được giao, ký hợp đồng
	<b>Chưa dự thảo</b>	Mẫu số 18: Biên bản kiểm tra chất lượng sản phẩm cấp chủ đầu tư	Bổ sung để nâng cao trách nhiệm của người phụ trách kỹ thuật đối với đơn vị thi công và chủ đầu tư